

S -UBND Hải Phòng, ngày tháng 6 năm 2026

QUY NH
V vì c công b danh m c th t c hành chính m i ban hành, c thay th
thu c ph m vi ch n lý c a S Giáo d o

CH T CH Y BAN NHÂN DÂN THÀNH PH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐCP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1578/QĐ-BGDĐT ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 3732/TTr-SGDĐT ngày 18/6/2026.

QUY NH:

u 1. Công b Ờ kèm theo Quy ẦW h ỹ này danh m ế 04 th ết ế hành chính m ẽ ban hành, ỹ n c thay th ẦW U R Q J ầ O g i ầ Q K ế Y n g h Ầ n g h i ầ thu Ỗ ph Ỗ n vi ch í F Q Q ầ n ỹ Ầ S ầ Giáo d ế F Y j ầ N Ỗ Ỗ dung th ết ế F K j Q K F K ầ Q K ỹ n công b Ờ Ỗ Quy ẦW h ỹ s Ỗ 4 - % * ' 7 Q J j \ ầ B Ỗ Giáo d ế c và

j R W A i c công b O h ết ết hành chính m B ban hành, th ết ết hành chính thay
th A th ết ết hành chính b l b i b Ó W U R Q J c G i a Q K c Y gh A ghi l p thu Ý ph Y n
vi, ch í F Q Q i l y X a B Ý G i a o d é F Y j j R (C W ti A t Y Ph é l é F ý t Q K N q P

u 2. Trách nhi m th c hi n

1. S ã G i a o d é F Y j j R c W Trách nhi l n th ớc hi l n th ết ết hành chính,
cung c p n Ý dung th ết ết F K j Q K F A T Q K t m Ph ết v é hành chính công
thành ph O Trung tâm Ph ết v é K j Q K F K t Q K F { Q á Q F i F y l n K Q i K y m
y A W F { Q J N K D l n, ti l n h n và tr s k A qu s gi s quy A th ết ết hành chính
W K H R h n X x y l ò ng, trình Ch ết l h ê y ban nhân dân thành ph O phê duy l
quy trình n Ý b Ý gi s quy A th ết ết hành chính (n A có) trong th á h Y 02 ngày làm
vi l k G i ngày nh t Q y m Quy A W h l y này.

9 Q S K e y Q a h nhân dân thành ph O ch ết r i, ph O h q v B S ã G i a o d é
Y j j R W Y j F i F F k T X l l n Quay k p n Y t n Ý dung th ết ết hành chính
W U r Q a & c l i l n qu O gia v A th ết ết hành chính b s R s n k l p th á L « y y e y ~ Q J
T X \ h l y.

u 3. & K i Q K 9 Q s y k a n Q Hân dân thành ph O * L i P O S ã G i a o
d é F Y j j R W * L i O T y trung tâm Ph ết v é hành chính công thành ph O Ch ể
t l h ê \ E D Q Q K k Q G k Q á Q J F c y k m u và d á c m t ù ch í c, cá nhân có liên
quan ch l l trách nhi l n thi hành Quy A W h l y này./.

Nơi nhận:

- 1 K m B; A X
- & é F . 6 7 7 + B T P;
- & 7 3 & 7 8 % 1 ' 7 3 + 0 & m á Q J
- & i F 3 & 9 3 8 % 1 ' W K j Q K S K O
- Các phòng, ý k Q i T P V H C C T P, V X;
- C ù Q J 7 7 7 7 3
- / m X 9 N T . A n.

Ph 1 c
DANH M C TH T C HÀNH CHÍNH M I BAN HÀNH, THAY TH
THU C PH M VI CH N LÝ C A S GIÁO D O
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. DANH M C TH T C HÀNH CHÍNH C P T NH
A1. DANH M C TH T C HÀNH CHÍNH M I BAN HÀNH

STT	Mã th t c hành chính	Tên th t c hành chính	Th i gian gi i quy t		m ti p nh n	Phí/l phí (n u có)	pháp lý
			Theo quy nh	Sau c t gi m			
I	C GIÁO D C NGH NGHI P						
1.	1.115169	C phép ho ỠỠỠỠ giáo d ế ngh ỠỠỠỠ t ỠỠ phân hi ỠỠ c Ỡ ỠỠỠ trung c Ỡ, ỠỠỠ trung h ỠỠ ngh Ỡ	07 ngày làm vi ỠỠ	3,5 ngày làm vi ỠỠ	- Trung tâm Ph ế v é hành chính công thành ph ỠỠ - Trung tâm Ph ế v é hành chính công xã, S KáỠ J ỠỠ khu.	Không	- Lu ỠỠ Giáo d ế ngh ỠỠ nghì ỠỠ s ỠỠ 124/2025/QH15. - Ngh ỠỠ ỠỠ s ỠỠ 1 -CP ngày 31 ỠỠ K i Q J 2026 P c ỠỠ Chính ph ỠỠ T X ỠỠỠ chi ti ỠỠ m ỠỠ s ỠỠ ỠỠ c ỠỠ Lu ỠỠ Giáo d ế ngh ỠỠ ỠỠ.

A2.

STT	Mã th t c hành chính	Tên th t c hành chính c thay th	Tên th t c hành chính thay th	Th i gian gi i quy t		m th c hi n	Phí/l phí (n u có)	pháp lý
				Theo nh	sau c t gi m			
I	C GIÁO D C NGH NGHI P							
1	2.002889	& K R S K tên trung tâm giáo d ế ngh A nghỉ P, W Hgn trung c S W mế W U r Q bày t h, thành ph Qr ấ thu Y W U X Q J	ừ tên W Hgn trung c S W mế trung h N ngh A	03 ngày làm vi E	1,5 ngày làm vi E	- Trung tâm Ph ế v ế hành chính công thành ph Q - Trung tâm Ph ế v ế hành chính công xã, S KáQ J ế khu.	Không T X \ h y	- Lu ± Giáo d ế ngh A nghi P s C 124/2025/QH15. - Ngh I y h s O 1-CP Q J j \ W K i Q J Q a Chính ph ế T X \ h y chi ti Ắm Ý s C y A c ầ Lu ± Giáo d ế ngh A nghỉ P. - Ngh I quy Ắ s O 23/2026/NQ-CP Q J j \ W K i Q J Q a Chính ph ế v Ắ ắ gi Ắn, phân c P, y k Q S H a th ế t ế hành chính và c ắ gi ẮP y Ắ ki Ắ kinh doanh thu Y ph Ắn vi qu Ắn lý c ầ B Ý Giáo d ế F Y j ẮR W
2	2.002887	Thành l p phân hi E c ầ W Hgn trung c P	Thành l p phân hi E c ế D W mế trung c P, W Hgn trung h N ngh A	05 ngày làm vi E	2,5 ngày làm vi E	- Trung tâm Ph ế v ế hành chính công thành ph Q - Trung tâm Ph ế v ế hành chính công xã,	Không T X \ h y	- Lu ± Giáo d ế ngh A nghi P s C 124/2025/QH15. - Ngh I y h s O 1-CP Q J j \ W K i Q J Q a Chính ph ế T X \ h y chi ti Ắm Ý s C y A c ầ Lu ± Giáo d ế ngh A nghỉ P.

STT	Mã th t c hành chính	Tên th t c hành chính c thay th	Tên th t c hành chính thay th	Th i gian gi i quy t		m th c hi n	Phí/l phí (n u có)	pháp lý
				Theo nh	sau c t gi m			
						S KáQ J xj khu.		- Ngh ĩ quy Ā s Ō23/2026/NQ-CP Q J j \ W K i Q J Q Ā Chính ph ě v Āc ă gi šn, phân c ă, y k Q š ĩ hóa th ět ěc hành chính và c ă gi šP y Ā ki ĩ kinh doanh thu Ý ph Ỡn vi qu šn lý c ă B ÝGiáo d ěF Y j j Ā W
3	2.002888	Gi š th Ỡphân hi ĩ c ă W ĩgn trung c ă	Gi š th Ỡ phân hi ĩ c ăD Văg trung c ă, W ĩgntrung h ĩ ngh Ā	10 ngày làm vi ě	05 ngày làm vi ě	- Trung tâm Ph ěc v ě hành chính công thành ph Ỡ - Trung tâm Ph ěc v ě hành chính công xã, S KáQ J xj khu.	Không T X \ ĩj	- Lu ĩ Giáo d ěc ngh Āng hi ĩ s Ỡ 124/2025/QH15. - Ngh ĩ y ĩh s Ō 1 -CP Q J j \ W K i Q J Q Ā Chính ph ě T X \ ĩj chi ti Ām Ý s Ỡ y Ā c ă Lu ĩ Giáo d ěc ngh Ā ng hi ĩ. - Ngh ĩ quy Ā s Ō23/2026/NQ-CP Q J j \ W K i Q J Q Ā Chính ph ě v Āc ă gi šn, phân c ă, y k Q š ĩ hóa th ět ěc hành chính và c ă gi šP y Ā ki ĩ kinh doanh thu Ý ph Ỡn vi qu šn lý c ă B ÝGiáo d ěF Y j j Ā W